

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 24 - 9 - 2021
V/v: tranh chấp Hôn nhân và gia
đình (T - N)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hiếu

2. Bà Phan Thị Hạnh Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký TAND huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Minh Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2021/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2021/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn T** - sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị **Đào Thị N** - sinh năm 1994

Địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(anh T vắng mặt có lý do; chị N vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Phạm Văn T trình bày:**

Về hôn nhân: Anh và chị Đào Thị N tự nguyện tìm hiểu, yêu nhau đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 16/5/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau tại gia đình anh T ở thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được mấy năm nhưng những năm về sau vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mặc dù anh đã rất cố gắng, hai bên gia đình cũng đã giải thích, khuyên bảo nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được mâu thuẫn để chung sống cùng nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đào Thị N.

Về con chung: Anh và chị Đào Thị N không có con chung, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Đào Thị N tự thỏa thuận giải quyết, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Đào Thị N hợp lệ, tuy nhiên chị N không đến Tòa làm việc do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị N.**

*** Tại biên bản lấy lời khai ông Đào Văn T 1 (bố đẻ chị N), ông trình bày:** Ông là bố đẻ chị Đào Thị N, bố vợ anh Phạm Văn T.

Về hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Đào Thị N tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 16/5/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cụ thể mâu thuẫn như thế nào ông không nắm được. Hiện anh T có đơn ly hôn chị N, quan điểm của ông là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh Phạm Văn T và chị Đào Thị N không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Văn T, chị Đào Thị N có tài sản chung hay nợ chung như thế nào thì ông không nắm bắt được.

*** Biên bản xác minh tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình:** Anh Phạm Văn T - sinh năm 1988 và Chị Đào Thị N - sinh năm 1994 có đăng ký thường trú tại thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Hiện nay hộ khẩu của anh T, chị N vẫn ở thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chị N không có đăng ký tạm vắng, tạm trú ở đâu khác ngoài địa chỉ này. Địa phương chỉ biết chị N đang

đi làm ăn xa còn địa chỉ cụ thể như thế nào địa phương không nắm bắt được. Chị N vẫn thường xuyên đi về thăm gia đình tại địa phương.

Anh T và chị N tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 16/5/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại địa phương. Vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể như thế nào địa phương không nắm bắt được. Nay anh T có đơn ly hôn chị N, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, anh T và chị N không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung anh chị có hay không thì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho người bị kiện. Nguyên đơn, bị đơn về cơ bản chấp hành pháp luật tố tụng để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn giữa anh T và chị N đã không thể hàn gắn, anh T đề nghị được ly hôn chị N. Thực tế hiện tại vợ chồng anh T, chị N đã không sinh sống cùng nhau. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa anh T, chị N đã không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T, xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Đào Thị N.

+ Về quan hệ con chung: Anh Phạm Văn T và chị Đào Thị N không có con chung, không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết và hiện không lấy được ý kiến của chị N về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên vấn đề tài sản không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, cũng như phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa anh T, chị N là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N đăng ký thường trú tại thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình, hiện tại chị N không đăng ký tạm vắng, tạm trú ở đại chỉ nào khác ngoài địa chỉ này. Do đó anh Trình khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng với quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Đào Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, anh Phạm Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Văn T và chị Đào Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 16/5/2012 đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống . Thực tế hiện tại vợ chồng anh T , chị N không sinh sống cùng nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa anh T, chị N có mâu thuẫn và anh chị không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T, xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Đào Thị N là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: anh T và chị N không có con chung, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Anh Phạm Văn T trình bày anh và chị N tự thỏa thuận giải quyết, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T1 (bố chị N) trình bày: Anh T, chị N có tài sản chung hay nợ chung như thế nào thì ông không nắm bắt được. Mặt khác do chưa lấy được lời khai của chị Đào Thị N trong vụ án này. Do đó việc giải quyết về tài sản chung , nợ chung không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Vấn đề tài sản chung , nợ chung được đặt ra giải quyết khi một trong các đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Đào Thị N.

2. Về quan hệ con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển 300.000đ anh Phạm Văn T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002183 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ngày 13/7/2021 sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn T, chị Đào Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKS huyện Tiền Hải;
- THADS huyện Tiền Hải;
- UBND xã Đ, Tiền Hải;
- TAND, VKSND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Văn Lợi

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Hiếu

Phan Thị Hạnh Mỹ

Vũ Văn Lợi